

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 25 /2024/QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 10 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp
đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trên địa bàn tỉnh Bình Dương**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính
ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Cư trú ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 30 tháng 3 năm 2021;

Căn cứ Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi
phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;

Căn cứ Nghị định số 105/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 12 năm 2021 của Chính
phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống
ma túy;

Căn cứ Nghị định số 109/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Chính
phủ quy định cơ sở y tế đủ điều kiện xác định tình trạng nghiện ma túy và hồ sơ,
trình tự, thủ tục xác định tình trạng nghiện ma túy;

Căn cứ Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính Quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân
sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma
túy bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở
cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;

Thực hiện Thông báo số 296/TB-UBND ngày 22/8/2024 của Ủy ban nhân dân
tỉnh về Kết luận của đồng chí Võ Văn Minh – Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại
phiên họp Ủy ban nhân dân tỉnh lần thứ 69 – khóa X;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tại Tờ trình
số 93/TTr – SLĐT BXH ngày 20 tháng 8 năm 2024.



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

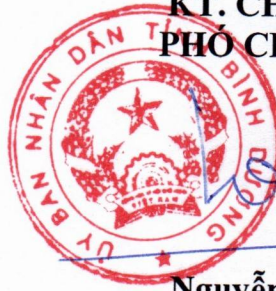
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 9 năm 2024.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các đơn vị: Công an tỉnh, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Tư pháp; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- TT. TU, TT. HĐND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Các sở, ban, ngành; Website tỉnh;
- UBND cấp huyện;
- Cơ sở DLQG về PL (Sở Tư pháp);
- LĐVP, TH, KGVX; TT Công báo;
- Lưu: VT, Tấn

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Lộc Hà

QUY CHẾ

Phối hợp lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trên địa bàn tỉnh Bình Dương

(Kèm theo Quyết định số 25 /2024/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định quy trình phối hợp lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và việc quản lý người nghiện ma túy trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

2. Những nội dung không quy định tại Quy chế này được thực hiện theo các văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với:

1. Người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

2. Cơ quan, người có thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

3. Tổ chức, gia đình và cá nhân có liên quan đến việc phối hợp lập hồ sơ và quản lý người nghiện ma túy trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Điều 3. Mục đích, nguyên tắc phối hợp

1. Tuân thủ quy định của Luật Phòng, chống ma túy; Luật Xử lý vi phạm hành chính; các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan; thống nhất quy trình, thẩm quyền và thành phần hồ sơ theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Đảm bảo tính đồng bộ, hiệu quả trong việc phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị nhằm thực hiện hiệu quả các quy định pháp luật về áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

3. Công tác phối hợp được thực hiện thông qua hình thức họp, hội ý, trao đổi qua điện thoại, văn bản và các hình thức phù hợp khác nhằm đáp ứng nhanh chóng việc thực hiện các nội dung của quy chế này.

4. Có sự phân công, phân định trách nhiệm cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng đơn vị, địa phương.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Người có nơi cư trú ổn định là người hiện đang sinh sống tại nơi đăng ký thường trú hoặc tạm trú; Trường hợp không xác định được nơi đăng ký thường trú, tạm trú thì nơi cư trú ổn định là nơi ở hiện tại theo quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật Cư trú và thời gian thường xuyên sinh sống từ 30 ngày trở lên, có xác nhận của Trưởng Công an cấp xã.

2. Người không có nơi cư trú ổn định: Người có đăng ký thường trú hoặc tạm trú nhưng không sinh sống tại nơi đăng ký thường trú hoặc tạm trú, có xác nhận của Trưởng Công an cấp xã nơi đăng ký thường trú hoặc tạm trú về việc người đó không sinh sống ở nơi đăng ký thường trú hoặc tạm trú và không biết người đó đang ở đâu; Thành viên gia đình theo quy định pháp luật về hôn nhân và gia đình cung cấp thông tin cho cơ quan chức năng không biết người đó hiện nay đang ở đâu, làm gì và cơ quan Công an tra cứu dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu về cư trú, hệ thống tàng thư hồ sơ cư trú, tàng thư căn cước công dân cũng không xác định được người đó đang ở đâu; Người không có cả nơi thường trú, tạm trú và thời gian sinh sống ở nơi ở hiện tại dưới 30 ngày.

3. Cơ quan lập hồ sơ trong Quy chế này là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người nghiện ma túy cư trú hoặc nơi phát hiện người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định có hành vi vi phạm pháp luật.

4. Cơ sở tiếp nhận, quản lý người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định trong thời gian lập hồ sơ được đặt trong Cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh Bình Dương (gọi tắt là Cơ sở cai nghiện).

5. Gia đình người nghiện được hiểu bao gồm: cha, mẹ, vợ hoặc chồng, anh chị em ruột từ đủ 18 tuổi trở lên.

Điều 5. Đối tượng áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và các trường hợp không áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

1. Người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Không đăng ký, không thực hiện hoặc tự ý chấm dứt cai nghiện ma túy tự nguyện;

b) Trong thời gian cai nghiện ma túy tự nguyện bị phát hiện sử dụng trái phép chất ma túy;

c) Người nghiện ma túy các chất dạng thuốc phiện không đăng ký, không thực hiện hoặc tự ý chấm dứt điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế hoặc bị chấm dứt điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế do vi phạm quy định về điều trị nghiện;

d) Trong thời gian quản lý sau cai nghiện ma túy mà tái nghiện.

2. Người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Không đăng ký, không thực hiện hoặc tự ý chấm dứt cai nghiện ma túy tự nguyện;

b) Trong thời gian cai nghiện ma túy tự nguyện bị phát hiện sử dụng trái phép chất ma túy;

c) Người nghiện ma túy các chất dạng thuốc phiện không đăng ký, không thực hiện hoặc tự ý chấm dứt điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế hoặc bị chấm dứt điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế do vi phạm quy định về điều trị nghiện.

3. Không áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với các trường hợp sau đây:

- a) Người không có năng lực trách nhiệm hành chính;
- b) Người đang mang thai có chứng nhận của bệnh viện;
- c) Phụ nữ hoặc người duy nhất đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú xác nhận.

Điều 6. Quản lý người nghiện ma túy trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

1. Trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi lập hồ sơ quyết định:

a) Quản lý tại gia đình: Trường hợp có nơi cư trú ổn định được gia đình đồng ý quản lý, đại diện gia đình xác nhận bằng văn bản (Mẫu số 35 Phụ lục II Nghị định 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy (gọi tắt là Nghị định số 116/2021/NĐ-CP);

b) Quản lý tại Cơ sở cai nghiện: Trường hợp người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định hoặc có nơi cư trú ổn định nhưng sinh sống một mình (không có gia đình, người thân); hoặc sống cùng gia đình nhưng gia đình không đồng ý quản lý, đại diện gia đình xác nhận bằng văn bản (Mẫu số 35 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP);

2. Quyết định giao cho gia đình hoặc Cơ sở cai nghiện quản lý người nghiện ma túy trong thời gian lập hồ sơ đưa vào cơ sở cai ma túy nghiện bắt buộc (Mẫu số 36 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP) phải được gửi ngay cho gia đình hoặc Cơ sở cai nghiện và người được quản lý để thực hiện.

3. Công an cấp huyện có trách nhiệm hỗ trợ Công an cấp xã chuyển ngay người nghiện ma túy thuộc Điểm b Khoản 1 Điều này đến Cơ sở cai nghiện theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và làm thủ tục bàn giao người nghiện ma túy cho Cơ sở cai nghiện để quản lý, hồ sơ bàn giao gồm:

a) Quyết định quản lý theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP;

b) Lý lịch tóm tắt của đối tượng, có xác nhận của cơ quan lập hồ sơ.

4. Thủ tục bàn giao:

a) Đại diện cơ quan ban hành quyết định quản lý bàn giao người bị quản lý;

b) Đại diện cơ sở quản lý đối chiếu người, hồ sơ và lập biên bản giao nhận (Mẫu số 37 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP). Biên bản phải được gửi

cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đối tượng cư trú hoặc nơi đối tượng có hành vi vi phạm, cơ quan lập hồ sơ.

5. Cơ sở cai nghiện có trách nhiệm phân công trực ban và lực lượng bảo vệ thường trực 24/24 giờ để làm thủ tục tiếp nhận người nghiện ma túy ngay khi cơ quan Công an chuyển đến.

6. Trường hợp người nghiện ma túy thuộc diện quản lý tại Cơ sở cai nghiện đang trong tình trạng rối loạn tâm thần hoặc mắc bệnh phải điều trị thì đưa đến cơ sở y tế để điều trị ổn định trước khi bàn giao cho Cơ sở quản lý.

7. Thời hạn quản lý người nghiện ma túy được tính từ thời điểm lập hồ sơ cho đến thời điểm người có thẩm quyền đưa đối tượng đi áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quyết định của Tòa án.

Điều 7. Trình tự, thủ tục xác định người nghiện ma túy

Hồ sơ, trình tự, thủ tục xác định tình trạng nghiện ma túy thực hiện theo quy định tại các Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7 và Điều 8 Nghị định số 109/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ sở y tế đủ điều kiện xác định tình trạng nghiện ma túy và hồ sơ, trình tự, thủ tục xác định tình trạng nghiện ma túy (gọi tắt là Nghị định số 109/2021/NĐ-CP).

Điều 8. Thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

Tòa án nhân dân cấp huyện nơi có trụ sở cơ quan của người đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính có thẩm quyền xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Chương II

QUY TRÌNH PHỐI HỢP LẬP HỒ SƠ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH ĐƯA VÀO CƠ SỞ CAI NGHIỆN BẮT BUỘC ĐỐI VỚI NGƯỜI NGHIỆN MA TÚY TỪ ĐỦ 18 TUỔI TRỞ LÊN

Điều 9. Lập hồ sơ và đưa người nghiện ma túy vào Cơ sở cai nghiện để quản lý

1. Khi phát hiện người nghiện ma túy thuộc đối tượng bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ quan Công an tiến hành xác minh, thu thập tài liệu, lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Trường hợp cá nhân, tổ chức phát hiện thì thông báo cho cơ quan Công an cấp xã nơi người có hành vi vi phạm để lập biên bản và xác minh, thu thập tài liệu, lập hồ sơ.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi phát hiện người nghiện ma túy thuộc đối tượng bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thì các cơ quan có thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định.

Điều 10. Thành phần hồ sơ đề nghị đưa người nghiện ma túy vào Cơ sở cai nghiện để quản lý

1. Đối với người nghiện ma túy có nơi cư trú ổn định:

a) 01 biên bản vi phạm một trong các hành vi vi phạm pháp luật về đăng ký cai nghiện, cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, quản lý sau cai nghiện,

điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế (Mẫu số 27 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP);

b) 01 bản tóm tắt lý lịch của người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (Mẫu số 30 Phụ lục II Nghị định 116/2021/NĐ-CP);

c) 01 bản sao Phiếu kết quả xác định tình trạng nghiện ma túy của cơ quan có thẩm quyền, Phiếu tổng hợp theo dõi để xác định tình trạng nghiện ma túy (Mẫu số 05 Nghị định số 109/2021/NĐ-CP; Phụ lục số 03 Thông tư 18/2021/TT-BYT ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn chẩn đoán và quy trình chuyên môn để xác định tình trạng nghiện ma túy);

d) 01 bản tường trình của người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (Mẫu số 31 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP);

đ) Thông báo về việc lập hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (Mẫu số 32 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP);

e) Văn bản trả hồ sơ bổ sung của Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện (Mẫu số 33 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP);

g) Văn bản đề nghị của Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện về việc xem xét áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (Mẫu số 34 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP);

h) Bản cam kết (đồng ý hoặc không đồng ý) quản lý người nghiện ma túy trong thời gian lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc của gia đình, người đại diện hợp pháp (Mẫu số 35 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP);

i) Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan Công an về việc giao quản lý người nghiện ma túy trong thời gian lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (Mẫu số 36 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP);

k) Biên bản giao, nhận người nghiện ma túy trong thời gian lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc giữa cơ quan giao và cơ sở quản lý (Mẫu số 37 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP);

l) Biên bản giao, nhận người vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (Mẫu số 40 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP);

m) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan Công an lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc làm văn bản đề nghị (Mẫu số 29 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP);

n) Các tài liệu liên quan (nếu có): Căn cước Công dân/Chứng minh nhân dân (hoặc tờ khai mã số định danh trong trường hợp không có Căn cước Công dân/Chứng minh nhân dân); Biên bản ghi lời khai; Lý lịch cá nhân; Giấy siêu âm thai nếu người nghiện ma túy là nữ; Trích lục tiền án tiền sự.

2. Đối với người nghiện ma túy không nơi cư trú ổn định:

a) Các tài liệu quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Văn bản xác định người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định của cơ quan công an có thẩm quyền.

3. Các giấy tờ, hồ sơ quy định tại Điều này, cơ quan lập hồ sơ gửi bản giấy và hồ sơ điện tử đến Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bình Dương (hồ sơ điện tử là những loại giấy tờ, tài liệu ở dạng điện tử được tổ chức, cá nhân thực hiện nộp cho cơ quan tổ chức có thẩm quyền), gửi liên thông qua phần mềm Quản lý văn bản của tỉnh. Riêng đối với các điểm đ, e, g, i, m gửi hồ sơ điện tử đã được ký số.

Điều 11. Thông báo về việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

Trình tự, thủ tục, nội dung thông báo về việc lập hồ sơ, chuyển hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người từ đủ 18 tuổi trở lên thực hiện theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP.

Điều 12. Xem xét, quyết định việc chuyển hồ sơ sang Tòa án

1. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu thành phần hồ sơ theo quy định tại Điều 10 của Quy chế này.

a) Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

b) Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện trả lại cơ quan đã lập hồ sơ đề bổ sung (Mẫu số 33 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP). Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, cơ quan lập hồ sơ phải bổ sung các tài liệu theo yêu cầu. Sau thời hạn trên, nếu hồ sơ đề nghị không được bổ sung, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện thông báo bằng văn bản cho cơ quan lập hồ sơ về việc không thụ lý hồ sơ đề nghị.

2. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

3. Trường hợp Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện chuyển hồ sơ trực tiếp cho Tòa án, nếu phát hiện có một số nội dung chưa rõ thì Tòa án chuyển trả ngay cho Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội mà không thụ lý giải quyết.

4. Trường hợp Tòa án có văn bản đề nghị làm rõ một số nội dung trong hồ sơ, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện có trách nhiệm phối hợp với cơ quan lập hồ sơ trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 13. Xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

1. Sau khi nhận được hồ sơ do Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện đề nghị, Tòa án nhân dân cấp huyện xem xét hồ sơ theo quy định của pháp luật:

a) Những trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, Tòa án nhân dân cấp huyện thụ lý và mở phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính

đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định tại Pháp lệnh số 03/2022/UBTVQH15 ngày 13 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án;

b) Xem xét ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người nghiện đang quản lý tại Cơ sở cai nghiện trong thời gian chờ lập hồ sơ, kiểm tra, xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thì Tòa án mở phiên họp tại khu vực hành chính của Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh;

c) Giám đốc Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh có trách nhiệm đảm bảo vật chất, lực lượng bảo vệ đảm bảo an ninh trật tự cho hoạt động Tòa án trong quá trình tổ chức phiên họp;

d) Trường hợp Tòa án có văn bản đề nghị làm rõ một số nội dung trong hồ sơ, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Tòa án, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện có trách nhiệm phối hợp với cơ quan lập hồ sơ trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Thời gian Tòa án xem xét quyết định: Không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đến khi tổ chức phiên họp. Đối với các vụ việc phức tạp thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 30 ngày.

3. Những người mà Tòa án quyết định không thuộc diện đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc thuộc diện hoãn, miễn thi hành quyết định của Tòa án thì giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận lại đối tượng và tổ chức giáo dục, cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng theo quy định.

Điều 14. Đưa người đã có quyết định vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

1. Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc của Tòa án nhân dân cấp huyện, cơ quan Công an cấp huyện phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện đưa người phải chấp hành quyết định vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

2. Trường hợp người nghiện ma túy không chấp hành quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ quan Công an cấp huyện quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế cần thiết theo quy định của pháp luật để đưa người phải chấp hành đến cơ sở cai nghiện bắt buộc.

3. Trường hợp do sự kiện bất khả kháng không thể thực hiện đúng thời hạn quy định tại Khoản 1 Điều này thì thời hạn được tính lại kể từ thời điểm sự kiện bất khả kháng chấm dứt theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Trường hợp Cơ sở cai nghiện không còn khả năng tiếp nhận đối tượng thì thời hạn được phép kéo dài không quá 03 tháng. Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện thông báo bằng văn bản cho Tòa án nhân dân cấp huyện đã ra quyết định biết và nêu rõ lý do.

Chương III

QUY TRÌNH PHỐI HỢP LẬP HỒ SƠ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH ĐƯA VÀO CƠ SỞ CAI NGHIỆN BẮT BUỘC ĐỐI VỚI NGƯỜI NGHIỆN MA TÚY TỪ ĐỦ 12 TUỔI ĐẾN DƯỚI 18 TUỔI

Điều 15. Lập hồ sơ và đưa người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi

1. Khi phát hiện người nghiện ma túy thuộc đối tượng bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ quan Công an tiến hành xác minh, thu thập tài liệu, lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Trường hợp cá nhân, tổ chức phát hiện thì thông báo cho cơ quan Công an cấp xã nơi người có hành vi vi phạm để lập biên bản và xác minh, thu thập tài liệu, lập hồ sơ.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi phát hiện người nghiện ma túy thuộc đối tượng bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thì các cơ quan có thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định.

Điều 16. Thành phần hồ sơ đề nghị đưa người nghiện ma túy vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc

1. Đối với người nghiện ma túy có nơi cư trú ổn định:

a) 01 biên bản vi phạm một trong các hành vi vi phạm pháp luật về đăng ký cai nghiện, cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, quản lý sau cai nghiện, điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế (Mẫu số 27 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP);

b) 01 bản tóm tắt lý lịch của người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (Mẫu số 30 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP);

c) 01 bản sao Phiếu kết quả xác định tình trạng nghiện ma túy của cơ quan có thẩm quyền, Phiếu tổng hợp theo dõi để xác định tình trạng nghiện ma túy (Mẫu số 05 Nghị định số 109/2021/NĐ-CP; Phụ lục số 03 Thông tư số 18/2021/TT-BYT ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn chẩn đoán và quy trình chuyên môn để xác định tình trạng nghiện ma túy);

d) 01 bản tường trình của người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (Mẫu số 31 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP);

đ) Thông báo về việc lập hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (Mẫu số 32 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP);

e) Văn bản trả hồ sơ bổ sung của Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện (Mẫu số 33 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP);

g) Bản cam kết (đồng ý hoặc không đồng ý) quản lý người nghiện ma túy trong thời gian lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc của gia đình, người đại diện hợp pháp (Mẫu số 35 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP);

h) Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan Công an về việc giao quản lý người nghiện ma túy trong thời gian lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (Mẫu số 36 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP);

i) Biên bản giao, nhận người nghiện ma túy trong thời gian lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc giữa cơ quan giao và cơ sở quản lý (Mẫu số 37 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP);

k) Ý kiến của cha, mẹ, người giám hộ hoặc người đại diện hợp pháp (đồng ý hoặc không đồng ý, ý kiến khác) về việc đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người từ đủ 12 đến dưới 18 tuổi (Mẫu số 38 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP);

l) Văn bản đề nghị của Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện về việc xem xét áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người từ đủ 12 đến dưới 18 tuổi (Mẫu số 39 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP);

m) Biên bản giao, nhận người vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (Mẫu số 40 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP);

n) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan Công an lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc làm văn bản đề nghị (Mẫu số 29 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP);

o) Các tài liệu liên quan (nếu có): Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân (hoặc tờ khai mã số định danh trong trường hợp không có Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân); Biên bản ghi lời khai; Lý lịch cá nhân; Giấy siêu âm thai nếu người nghiện ma túy là nữ; Trích lục tiền án tiền sự.

2. Đối với người nghiện ma túy không nơi cư trú ổn định

a) Các tài liệu quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Văn bản xác định người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định của cơ quan công an có thẩm quyền.

3. Các giấy tờ, hồ sơ quy định tại Điều này, cơ quan lập hồ sơ gửi bản giấy và hồ sơ điện tử đến Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bình Dương (hồ sơ điện tử là những loại giấy tờ, tài liệu ở dạng điện tử được tổ chức, cá nhân thực hiện nộp cho cơ quan tổ chức có thẩm quyền), gửi liên thông qua phần mềm Quản lý văn bản của tỉnh. Riêng đối với các điểm đ, e, g, i, m gửi hồ sơ điện tử đã được ký số.

Điều 17. Thông báo về việc lập hồ sơ, chuyển hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

Trình tự, thủ tục, nội dung thông báo về việc lập hồ sơ, chuyển hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi thực hiện theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP.

Điều 18. Xem xét, quyết định việc chuyển hồ sơ sang Tòa án

1. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu thành phần hồ sơ theo quy định tại Điều 16 Quy chế này.

a) Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

b) Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện trả lại cơ quan đã lập hồ sơ để bổ sung (Mẫu số 33 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP). Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày

nhận được văn bản đề nghị, cơ quan lập hồ sơ phải bổ sung các tài liệu theo yêu cầu. Sau thời hạn trên, nếu hồ sơ đề nghị không được bổ sung, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện thông báo bằng văn bản cho cơ quan lập hồ sơ về việc không thụ lý hồ sơ đề nghị.

2. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

3. Trường hợp Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện chuyển hồ sơ trực tiếp cho Tòa án, nếu phát hiện có một số nội dung chưa rõ thì Tòa án chuyển trả ngay cho Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện mà không thụ lý giải quyết.

4. Trường hợp Tòa án có văn bản đề nghị làm rõ một số nội dung trong hồ sơ, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện có trách nhiệm phối hợp với cơ quan lập hồ sơ trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 19. Xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

1. Sau khi nhận được hồ sơ do Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện đề nghị, Tòa án nhân dân cấp huyện xem xét hồ sơ theo quy định của pháp luật:

a) Những trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, Tòa án nhân dân cấp huyện thụ lý và mở phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định tại Pháp lệnh số 01/2022/UBTVQH15 ngày 24 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định trình tự, thủ tục Tòa án nhân dân xem xét, quyết định việc đưa người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

b) Xem xét ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người nghiện đang quản lý tại Cơ sở cai nghiện trong thời gian chờ lập hồ sơ, kiểm tra, xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thì Tòa án mở phiên họp tại Cơ sở cai nghiện;

c) Giám đốc Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh có trách nhiệm đảm bảo vật chất, lực lượng bảo vệ; đảm bảo an ninh trật tự cho hoạt động Tòa án và những người tham gia trong quá trình tổ chức phiên họp;

d) Trường hợp Tòa án có văn bản đề nghị làm rõ một số nội dung trong hồ sơ, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Tòa án, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện có trách nhiệm phối hợp với cơ quan lập hồ sơ trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Thời gian Tòa án xem xét quyết định: Không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đến khi tổ chức phiên họp. Đối với các vụ việc phức tạp thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 30 ngày.

3. Những người mà Tòa án quyết định không thuộc diện đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc thuộc diện hoãn, miễn thi hành quyết định của Tòa án thì

giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận lại đối tượng và tổ chức giáo dục, cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng theo quy định.

Điều 20. Đưa người đã có quyết định vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

1. Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc của Tòa án nhân dân cấp huyện, cơ quan Công an cấp huyện phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện đưa người phải chấp hành quyết định vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

2. Trường hợp người nghiện ma túy không chấp hành quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ quan Công an cấp huyện quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế cần thiết theo quy định của pháp luật để đưa người phải chấp hành đến cơ sở cai nghiện bắt buộc.

3. Trường hợp do sự kiện bất khả kháng không thể thực hiện đúng thời hạn quy định tại Khoản 1 Điều này thì thời hạn được tính lại kể từ thời điểm sự kiện bất khả kháng chấm dứt theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Trường hợp cơ sở cai nghiện không còn khả năng tiếp nhận đối tượng thì thời hạn được phép kéo dài không quá 03 tháng. Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện thông báo bằng văn bản cho Tòa án nhân dân cấp huyện đã ra quyết định biết và nêu rõ lý do.

Điều 21. Xử lý một số trường hợp phát sinh trong quá trình lập hồ sơ

1. Trường hợp người nghiện ma túy có nơi cư trú ổn định nhưng sinh sống một mình (không có gia đình, người thân); hoặc trong thời gian quản lý tại gia đình đối tượng có dấu hiệu bỏ trốn, tiếp tục có hành vi vi phạm pháp luật thì cơ quan lập hồ sơ tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành Quyết định giao cho Cơ sở cai nghiện quản lý người nghiện ma túy trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Khi có quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Công an cấp xã phối hợp với Công an cấp huyện chuyển ngay người nghiện đến Cơ sở cai nghiện tiếp nhận theo quyết định.

2. Trường hợp qua đối chiếu hồ sơ, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện nhận thấy không đủ điều kiện chuyển Tòa án xem xét quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc trường hợp cơ quan lập hồ sơ không bổ sung được các tài liệu theo yêu cầu của Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện thì ngay sau khi nhận được hồ sơ do Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện chuyển trả lại, cơ quan lập hồ sơ tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định chấm dứt việc giao cho gia đình quản lý người nghiện ma túy có nơi cư trú ổn định hoặc chấm dứt việc giao cho Cơ sở cai nghiện và gửi văn bản này đến gia đình và Cơ sở cai nghiện biết để thực hiện.

3. Sau khi được xác định trình trạng nghiện, người nghiện ma túy được tư vấn ngay nhưng quyết định không đăng ký cai nghiện tự nguyện thì cơ quan chức năng có thể lập hồ sơ đưa người nghiện đi cơ sở cai nghiện bắt buộc sớm hơn không nhất thiết phải đủ sau 05 ngày mới xét đến quy định người nghiện không đăng ký cai nghiện. Tương tự, sau khi phát hiện người nghiện ma túy thuộc đối tượng bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thì các cơ quan có thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện theo quy định thì cơ quan

chức năng có thể lập hồ sơ đưa người nghiện đi cơ sở cai nghiện bắt buộc sớm hơn không nhất thiết phải đủ sau 05 ngày.

Chương IV

ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO THỰC HIỆN VÀ TRÁCH NHIỆM THI HÀNH

Điều 22. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thực hiện theo Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 23. Trách nhiệm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Tài chính và các ngành liên quan bố trí cán bộ, cơ sở vật chất, trang thiết bị và hướng dẫn cụ thể kinh phí thực hiện bảo đảm phục vụ việc tiếp nhận, điều trị nghiện cho người nghiện ma túy khi đưa vào Cơ sở cai nghiện theo quy định.

2. Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh, Sở Y tế và Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ vào các quy định hiện hành về cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng để hướng dẫn, tạo điều kiện cho người nghiện ma túy tiếp cận với các dịch vụ điều trị thích hợp tại cộng đồng và quản lý tốt các đối tượng này theo đúng quy định; đẩy mạnh công tác hỗ trợ vốn, cho vay vốn tạo việc làm, dạy nghề và tái hòa nhập cộng đồng đối với người nghiện ma túy.

3. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng về tư vấn điều trị nghiện ma túy và dự phòng tái nghiện cho đội ngũ cán bộ làm công tác cai nghiện tại gia đình và cộng đồng.

Điều 24. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

1. Chủ trì, phối hợp các Sở, ngành liên quan tổ chức tuyên truyền giáo dục pháp luật về phòng chống ma túy; phối hợp Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tham mưu các chính sách liên quan đến công tác cai nghiện và quản lý sau cai nghiện.

2. Phối hợp với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội theo dõi, hướng dẫn việc triển khai thực hiện Quy chế này.

Điều 25. Trách nhiệm của Sở Y tế

1. Chỉ đạo các Trạm Y tế xã, phường, thị trấn, Trung tâm Y tế cấp huyện phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng và xác định tình trạng nghiện ma túy.

2. Chỉ đạo các cơ sở điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng Methadone khẩn trương có văn bản xác nhận về việc đưa người nghiện ma túy ra khỏi chương trình điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế theo quy định tại Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế.

3. Phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức kiểm tra, hướng dẫn các cơ sở cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh thực hiện tốt việc điều trị, cắt cơn và phục hồi sức khỏe cho người nghiện ma túy. Thường xuyên tổ chức kiểm tra, hướng dẫn các cơ sở y tế thực hiện tốt việc phối hợp với các ngành liên quan trong việc xác định tình trạng nghiện ma túy, tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng.

Điều 26. Trách nhiệm của Công an tỉnh

1. Chỉ đạo, hướng dẫn Công an cấp huyện, Công an cấp xã phối hợp các đơn vị liên quan thực hiện tốt công tác quản lý giáo dục người nghiện tại cộng đồng, lập hồ sơ đưa người nghiện ma túy đi cai nghiện bắt buộc, vận động đối tượng đi cai nghiện ma túy tự nguyện với các hình thức phù hợp, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

2. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra hồ sơ quản lý người nghiện, hồ sơ đưa người nghiện đi cai nghiện bắt buộc tại các địa phương.

3. Chỉ đạo Công an cấp huyện, Công an cấp xã nơi có các cơ sở cai nghiện ma túy đóng trên địa bàn phối hợp giữ gìn an ninh trật tự, phòng, chống các biểu hiện tiêu cực trong khu vực; phòng, chống bạo loạn, trốn tập thể, thâm lậu chất gây nghiện vào cơ sở, xử lý kịp thời các vụ việc xảy ra tại các cơ sở cai nghiện.

4. Phối hợp với Sở Lao động-Thương binh và Xã hội và các đơn vị liên quan thanh tra, kiểm tra, thống kê các hoạt động cai nghiện tại gia đình, cộng đồng; xây dựng phương án đảm bảo an ninh, trật tự trong quá trình thực hiện các hoạt động cai nghiện tại gia đình, cộng đồng.

5. Phối hợp Sở Lao động-Thương binh và Xã hội định kỳ tổ chức huấn luyện về nghiệp vụ bảo vệ, sử dụng công cụ hỗ trợ cho lực lượng bảo vệ ở các cơ sở cai nghiện ma túy; cơ sở điều trị, cai nghiện ma túy tại cộng đồng.

6. Chỉ đạo Công an cấp huyện hỗ trợ Công an cấp xã trong việc đưa người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định đến Cơ sở cai nghiện để quản lý trong thời gian lập hồ sơ theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 27 Trách nhiệm của Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về tổ chức bộ máy và hoạt động của Cơ sở cai nghiện ma túy.

Điều 28. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Căn cứ vào dự toán do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tổng hợp và khả năng cân đối của ngân sách tỉnh, Sở Tài chính tham mưu kinh phí theo thẩm quyền được giao.

Điều 29. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Chỉ đạo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chủ động xây dựng kế hoạch tổ chức tốt công tác cai nghiện tại gia đình, cộng đồng theo quy định pháp luật. Bố trí ngân sách phục vụ công tác cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng và thông qua các chương trình hỗ trợ cho người sau cai nghiện được tiếp cận các dịch vụ vay vốn, học nghề, giải quyết việc làm, ổn định cuộc sống, hòa nhập cộng đồng theo quy định.

2. Giao nhiệm vụ cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và thực hiện đầy đủ các quy định tại Khoản 6 Điều 30 Luật Phòng, chống ma túy.

3. Tăng cường kiểm tra, giám sát công tác triển khai, tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng ở địa phương. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo, thống kê về công tác cai nghiện ma túy theo quy định.

Điều 30. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các hội, đoàn thể có liên quan phối hợp thực hiện

1. Tòa án nhân dân tỉnh chỉ đạo Tòa án nhân dân cấp huyện chủ động rút ngắn thời gian, đẩy nhanh tiến độ trong việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; phối hợp với ngành Lao động – Thương binh và Xã hội và đơn vị có liên quan xử lý các trường hợp còn vướng mắc về hồ sơ, thủ tục đưa người nghiện ma túy vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

2. Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh chỉ đạo Viện Kiểm sát nhân dân cấp huyện sau khi nhận được thông báo thụ lý hồ sơ của Tòa án cùng cấp, tổ chức nghiên cứu hồ sơ vụ việc đó để phối hợp giải quyết được nhanh chóng, kịp thời.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các hội, đoàn thể trên địa bàn tỉnh vận động người nghiện ma túy và thân nhân gia đình người nghiện tự giác khai báo tình trạng nghiện và tự nguyện đăng ký hình thức cai nghiện; đồng thời tích cực phối hợp triển khai thực hiện Quy chế này.

4. Các ngành có liên quan trong công tác lập hồ sơ cũng như công tác hợp xét áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trên địa bàn tỉnh Bình Dương, căn cứ Điều 41 và Điều 51 của Nghị định số 116/2021/NĐ-CP và Quy chế này để thực hiện. Không phát sinh các loại giấy tờ, thủ tục khác trong hồ sơ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đã được quy định cụ thể trong Nghị định và Quy chế này.

Điều 31. Chế độ báo cáo và sửa đổi, bổ sung Quy chế

1. Định kỳ 06 tháng và hằng năm, các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo tình hình, kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Lao động – Thương binh và Xã hội) để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra thực hiện Quy chế này. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, các đơn vị, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Lao động – Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.